

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HS-ST

Ngày: 06/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Lành

Ông Vũ Văn Đán

Bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Mai và ông Trần Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 tại tỉnh Nghệ An; Nơi thường trú: Số B đường C tháng D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Nơi tạm trú: Số F đường L, phường I, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện tại: Số B đường A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường T9 (hiện đã nghỉ hưu); Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Đảng viên, sinh hoạt tại Chi bộ khu phố F, Đảng bộ cơ sở phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1936 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1929 (đã chết); bị cáo có mười anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1963 và 03 người con lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/02/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Thanh N1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt);
2. Ông Hoa Vận K, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số A đường N, khu phố T, phường T, Thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt);
3. Bà Nguyễn Thụy Phương T, sinh năm 1976; Nơi thường trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Cao đẳng N4 (có địa chỉ tại khu phố B, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước), được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường T9 - là đơn vị sự nghiệp công lập, được UBND tỉnh B giao quyền tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính; được ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động; có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản dự toán mở tại Kho bạc nhà nước C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 43 ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp chịu trách nhiệm trước Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình trong việc thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính của đơn vị. Để thực hiện quyền tự chủ về tài chính, T1 xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ bằng Quyết định số 56 ngày 01/4/2013 theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ T10 [BL 4433-4439]. Từ năm 2010 đến 2019 (gồm giai đoạn Trung cấp nghề Tôn Đức T2 và Cao đẳng nghề Bình Phước), T1 đã có hành vi kê khống giáo viên và kê khống học sinh để quyết toán kinh phí gây thiệt hại ngân sách Nhà nước. Các Cơ quan tổ tụng tỉnh Bình Phước đã xử lý đối với Đoàn Thế N2 - Hiệu trưởng, Lê Thành T3 - Phó Hiệu trưởng và Nguyễn Trung T4 - Kế toán trưởng về hành vi sai phạm về tài chính xảy ra tại Trường Cao đẳng N4. Để xảy ra sai phạm trên, Nguyễn Văn N - N3 hiệu trưởng Trường T9 đã thiếu trách nhiệm trong việc ký duyệt hồ sơ, chứng từ chi kinh phí, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước cụ thể như sau:

Nguyễn Văn N được UBND tỉnh B bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường T9 theo Quyết định bổ nhiệm số 2157 ngày 13/12/2006 và Quyết định bổ nhiệm lại số 154 ngày 20/01/2012 [BL 905 - 920; BL 73]. Với vai trò là Hiệu trưởng,

Nguyễn Văn N được giao phụ trách công tác tổ chức - nhân sự, tài chính - kế toán (thực hiện theo Quy chế hoạt động của T1, ban hành theo Quyết định số 80 ngày 01/9/2010) [BL 4440 – 4453]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 thì Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản của Nhà nước theo đúng chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được giao. Đồng thời, tại mục 4 Phần I Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 (có hiệu lực đến ngày 15/11/2012) và khoản 3, Điều 4 Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 (có hiệu lực từ ngày 16/11/2012) của Bộ T10 quy định Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm: Quyết định chi theo chế độ, tiêu chuẩn và mức chi trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao; quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả. Như vậy, Nguyễn Văn N là Hiệu trưởng Trường T9 nên có nghĩa vụ phải thực hiện đúng các quy định nêu trên.

Từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2015, Nguyễn Văn N đã ký duyệt hồ sơ giải quyết cho thôi việc, chuyển công tác đối với 12 cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp đồng của T1. Tuy nhiên, sau đó Nguyễn Trung T4 là Kế toán trưởng của T1 vẫn kê khống việc chi trả lương, phụ cấp cho 12 cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp đồng đã nghỉ việc nêu trên để quyết toán. Khi T4 trình hồ sơ, chứng từ thì Nguyễn Văn N đã thiếu trách nhiệm không kiểm tra lại danh sách chi trả mà vẫn ký duyệt nên không phát hiện việc T4 kê khống để quyết toán, cụ thể gồm các trường hợp sau:

- Bà Hồ Thị T5, sinh năm 1971, ngụ tại: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, là Nhân viên tạp vụ; thôi việc từ ngày 01/8/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán khống từ tháng 8/2011 đến tháng 5/2015 với số tiền: 101.406.734 đồng.

- Ông Hoàng Thanh V, sinh năm 1982, ngụ tại: khu phố H, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước, là Nhân viên bảo vệ; thôi việc từ ngày 01/5/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán khống từ tháng 5/2011 đến 5/2015 với số tiền: 141.723.026 đồng.

- Bà Lê Thúy V1, sinh năm 1986, ngụ tại: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, là Nhân viên tạp vụ, nghỉ việc từ ngày 31/10/2014 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán khống từ tháng 11/2014 đến 4/2015 với số tiền: 12.818.182 đồng.

- Ông Nguyễn Anh T6, sinh năm 1983, ngụ tại: khu phố T, phường P, TP ., tỉnh Đồng Nai, là Giáo viên khoa Tin học đã nghỉ việc từ ngày 31/12/2009

nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 01/2010 đến 5/2015 với số tiền: 275.819.257 đồng.

- Ông Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1982, ngụ tại: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là Giáo viên Khoa Điện – Điện tử, đã nghỉ việc từ ngày 01/11/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 11/2011 đến 5/2015 với số tiền: 199.708.995 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thùy T7, sinh năm 1986, ngụ tại: khu phố D, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, là Nhân viên kế toán Trung tâm lái xe; Nghỉ việc từ ngày 09/12/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 01/2012 đến 5/2015 với số tiền: 160.804.628 đồng.

- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1982, ngụ tại: khu phố D, phường A, thành phố T, TP ., là Giáo viên Khoa học cơ bản; Nghỉ việc từ ngày 01/8/2010 nhưng vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 08/2010 đến 6/2015 với số tiền: 276.283.731 đồng.

- Ông Phan Văn P, sinh năm 1979, ngụ tại: khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, là Tổ trưởng Tổ bảo vệ; Nghỉ việc từ ngày 01/4/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 04/2011 đến 5/2015 với số tiền: 166.485.656 đồng.

- Ông Trần Duy Đ, sinh năm 1982, ngụ tại: phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh, là Giáo viên khoa Điện – Điện tử; Nghỉ việc từ ngày 01/5/2011 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 05/2011 đến 6/2015 với số tiền: 244.426.337 đồng.

- Ông Trần Quang H1, sinh năm 1983, ngụ tại: Thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước, là Giáo viên khoa Điện – Điện tử; Nghỉ việc từ ngày 08/5/2012 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 05/2012 đến 5/2015 với số tiền: 197.498.776 đồng.

- Ông Trương Đình Q, sinh năm 1980, ngụ tại: ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai, là Giáo viên khoa Điện – Điện tử; Nghỉ việc từ ngày 01/01/2012 nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 01/2012 đến 5/2015 với số tiền: 213.126.137 đồng.

- Bà Lê Thị H2, sinh năm 1976, ngụ tại: khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước, là Nhân viên Quản lý học sinh sinh viên; Từ ngày 01/10/2012 được chuyển công tác đến Sở Giáo dục và Đào tạo nhưng T1 vẫn để tên trong danh sách chi trả lương, phụ cấp để quyết toán không từ tháng 10/2012 đến 5/2015 với số tiền: 175.216.219 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Văn N đã thiếu trách nhiệm khi ký duyệt chứng từ chi trả lương, phụ cấp cho 12 cán bộ, giáo viên nói trên đã gây thiệt hại cho ngân

sách Nhà nước số tiền 2.148.817.678 đồng [BL 81-88].

Ngoài ra, từ tháng 01/2015 đến tháng 6/2015, Nguyễn Văn N còn thiếu trách nhiệm trong việc ký duyệt chứng từ rút dự toán kinh phí học bổng học sinh dân tộc thiểu số. Cụ thể: Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 109 ngày 29/5/2009 của Bộ T10, Bộ G và Đào tạo quy định về việc học sinh tốt nghiệp Trường dân tộc nội trú khi tham gia học nghề được hưởng chính sách học bổng. Khi đề nghị cấp dự toán năm 2015, Nguyễn Trung T4 đã thống kê tất cả học sinh là người dân tộc thiểu số để đề nghị cấp học bổng, mặc dù có nhiều trường hợp không tốt nghiệp trường dân tộc nội trú nên không thuộc đối tượng thụ hưởng. Sau khi được giao dự toán, T4 đã tự ý lập chứng từ rút kinh phí học bổng học sinh dân tộc thiểu số để chi thu nhập tăng thêm, chi tiền lễ, Tết cho cán bộ, giáo viên trái quy định của pháp luật. Khi ký duyệt hồ sơ, chứng từ, Nguyễn Văn N đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra nguồn kinh phí để đảm bảo việc chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi nên vẫn ký duyệt, gây thiệt hại cho ngân sách số tiền 1.448.536.750 đồng.

Như vậy, từ năm 2010 đến tháng 6/2015, Nguyễn Văn N đã thiếu trách nhiệm trong việc ký duyệt hồ sơ, chứng từ chi kinh phí, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 3.597.354.428 đồng [BL 81-284].

Bản Kết luận giám định số 354 ngày 14/4/2023 của Phòng K1 - Công an tỉnh B xác định:

Chữ ký ghi họ tên “Nguyễn Văn N” trên tài liệu chứng từ kế toán trong niên độ từ tháng 01/2010 đến tháng 6/2015 (gồm: Giấy rút dự toán ngân sách chi lương, phụ cấp; chi hỗ trợ lễ tết; chi thu nhập tăng thêm; chi dư giờ cho giáo viên kèm theo Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên thụ hưởng; Chứng từ rút SEC) là chữ ký của Nguyễn Văn N [BL 945-963].

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- Hồ sơ, chứng từ chi ngân sách từ năm 2010 đến 2014 của Trường T9.
- Hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng N4.
- Số tiền 3.897.417.678 đồng, trong đó có 2.648.817.687 đồng hiện đang quản lý tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước và 1.248.600.000 đồng đang quản lý tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước mở tại Kho bạc nhà nước B.

Về trách nhiệm dân sự:

Tổng thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 3.597.354.428 đồng thì bị cáo Nguyễn Văn N tự nguyện nộp khắc phục 3.597.417.687 đồng (nộp thừa 64.250 đồng). Bà Nguyễn Thụy Phương T, ông Hoa Vận K và bà Ngô Thị

Thanh N1 tự nguyện mỗi người nộp 100.000.000 đồng hỗ trợ khắc phục thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Tổng cộng 3.897.417.678 đồng.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 14/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với bị cáo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn N tại Cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 14/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” và áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 50; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là 05 năm, giao bị cáo cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ T8 nộp ngân sách nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp khắc phục 3.597.417.687 đồng, hiện đang quản lý tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước mở tại Kho bạc nhà nước B.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thụy Phương T số tiền 100.000.000 đồng; Trả lại cho ông H3 Vận Khải số tiền 100.000.000 đồng; Trả lại cho bà Ngô Thị Thanh N1 số tiền 100.000.000 đồng. Hiện đang quản lý tại tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước mở tại Kho bạc nhà nước B.

- Về xử lý vật chứng: Đối với toàn bộ hồ sơ, chứng từ chi ngân sách từ năm 2010 đến 2014 của Trường T9; hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng N4 là tài liệu

liên quan đến vụ án nên đề nghị lưu theo hồ sơ.

- Đối với trách nhiệm của Sở T11, Văn phòng UBND tỉnh B và cá nhân liên quan không có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố đối với bị cáo. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp các Kết luận giám định tài chính, Kết luận giám định chữ ký, chữ viết, phù hợp các tài liệu, vật chứng đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được tranh tụng công khai tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Văn N được UBND tỉnh B bổ nhiệm làm Hiệu trưởng Trường T9 theo Quyết định bổ nhiệm số 2157/QĐ-UBND ngày 13/12/2006 và Quyết định bổ nhiệm lại số 154/QĐ-UBND ngày 20/01/2012. Với vai trò là Hiệu trưởng, trong giai đoạn từ tháng 01/2010 đến tháng 5/2015, Nguyễn Văn N được giao phụ trách công tác tổ chức nhân sự, tài chính kế toán của đơn vị, có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, chứng từ chi lương cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của T1 và hồ sơ chứng từ rút dự toán ngân sách nguồn kinh phí học bổng, chính sách cho học sinh dân tộc thiểu số để sử dụng đảm bảo chính xác về số lượng, đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức, đúng nguồn kinh phí được giao theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bị cáo N đã ký duyệt hồ sơ

giải quyết cho thôi việc, chuyển công tác đối với 12 cán bộ, giáo viên, nhân viên hợp đồng của T1 nhưng đã thiếu trách nhiệm, không kiểm tra lại, đối chiếu dẫn đến vẫn ký duyệt hồ sơ, chứng từ chi trả lương, phụ cấp cho 12 cán bộ, giáo viên nói trên gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng số tiền 2.148.817.678 đồng.

Ngoài ra, Theo quy định Thông tư liên tịch số 109/2009/TTLT-BTC-BGDDT ngày 29/5/2009 của Bộ T10, Bộ G thì những học sinh tốt nghiệp trường dân tộc nội trú học nghề mới được hưởng chính sách học bổng, nhưng khi được giao dự toán bị cáo đã thiếu trách nhiệm kiểm tra nguồn kinh phí để đảm bảo việc chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi nên vẫn ký duyệt hồ sơ, chứng từ rút kinh phí học bổng học sinh dân tộc thiểu số gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 1.448.536.750 đồng.

Như vậy, từ năm 2010 đến tháng 6/2015, bị cáo N đã thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra, ký duyệt hồ sơ, chứng từ chi kinh phí, gây thiệt hại ngân sách nhà nước tổng số tiền 3.597.354.428 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm c khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các hoạt động đúng đắn, uy tín của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại cho ngân sách, làm ảnh hưởng đến lòng tin của người dân đối với Cơ quan nhà nước.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo thực hiện với lỗi vô ý, bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do thiếu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, đối chiếu, ký duyệt hồ sơ chứng từ chi kinh phí, nên không phát hiện việc kê không để quyết toán rút kinh phí sử dụng trái pháp luật, gây thiệt hại ngân sách nhà nước.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện, chủ động khắc phục toàn bộ hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động Hạng ba; Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác; được Bộ G1; Bộ L3; Chủ tịch UBND tỉnh B tặng nhiều Bằng khen, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giao thông vận tải, sự nghiệp lao động – thương binh và xã hội; bị cáo có cha mẹ là người có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng nhất, Hạng nhì trong kháng chiến chống Mỹ; mẹ của bị cáo

được Nhà nước tặng Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nghiêm trọng nhưng bị cáo không có động cơ vụ lợi, động cơ cá nhân khác, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý vì đã chủ quan, tự tin vào việc tham mưu của cấp dưới, không kiểm tra, rà soát đối chiếu nên đã không phát hiện ra sai phạm dẫn đến thiệt hại ngân sách nhà nước nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo gây ra. Tuy nhiên, khi phát hiện sai phạm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động tích cực khắc phục toàn bộ hậu quả số tiền thiệt hại 3.597.354.428 đồng mà bị cáo và Nguyễn Trung T4 gây ra, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *“Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ”*; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án thấp nhất dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với trách nhiệm của Sở Tài chính tỉnh T11:

Trường Cao đẳng N4 là đơn vị sự nghiệp công lập, được tự chủ về tổ chức, biên chế, tài chính, được ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động. Do vậy, T1 được tự chủ, tự chuyển mục chi và chịu sự giám sát chi của Kho bạc Nhà nước; tự chịu trách nhiệm báo cáo thanh toán, quyết toán việc sử dụng ngân sách. Do danh sách học sinh trúng tuyển đã được UBND tỉnh phê duyệt, các nội dung trong báo cáo quyết toán đã được Kho bạc kiểm soát chi, duyệt chi nên Sở Tài chính không có căn cứ để phát hiện được hành vi kê khống của Trường cao đẳng N4. Đối với số tiền cấp học bổng khoản tiền này là tự chủ nên T1 được phép chuyển nội dung chi theo quyền tự chủ của T1. Sở T11 không phải là đơn vị kiểm soát chi, chỉ là đơn vị quyết toán những nội dung đã chi trong năm, đối với việc tiến hành kiểm tra, xác minh để làm rõ sai phạm, gian dối của đơn vị thì pháp luật không quy định về nghĩa vụ kiểm tra tính hợp pháp chứng từ quyết toán của Sở T11 mà chỉ có quy định về tính tự chịu trách nhiệm của T1. Do vậy, việc không phát hiện được hành vi phạm tội trong việc sử dụng ngân sách của các cá nhân thuộc đơn vị Trường cao đẳng N4 khi xét duyệt quyết toán ngân sách không phát sinh trách nhiệm của Sở T11. Hành vi dùng thủ đoạn

gian đối lập không chứng từ rút ngân sách nhà nước của các cá nhân Trường Cao đẳng N4 đã bị xử lý. Các ông bà Ngô Thị Thanh N1, Hoa Vận K, Nguyễn Thụy Phương T thuộc Sở T11 đã thực hiện đúng các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, nghiệp vụ tài chính nên không có dấu hiệu của tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Đối với trách nhiệm Văn phòng UBND tỉnh B:

Từ năm 2015 đến năm 2019, UBND tỉnh đã ra Quyết định phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển các năm học, Trường Cao đẳng N4 đã sử dụng các Quyết định phê duyệt này đề nghị Sở T11 cấp dự toán kinh phí, báo cáo quyết toán ngân sách hàng năm. Tuy nhiên, việc Trường Cao đẳng N4 đề nghị UBND tỉnh phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển và UBND tỉnh ký phê duyệt là không đúng thẩm quyền. Khi tiếp nhận các tờ trình của T1 Cao đẳng nghề, ông Lê Quốc V2 (Phó Trưởng phòng Văn khoa – Giáo dục của Văn phòng UBND tỉnh) không nghiên cứu nên đã tham mưu cho Văn phòng UBND tỉnh trình ký ban hành các Quyết định phê duyệt danh sách học sinh trúng tuyển, tuy nhiên sai phạm trên chỉ vi phạm nguyên tắc, quy trình xử lý công việc theo trách nhiệm hành chính, không có dấu hiệu của tội phạm. Ngày 29/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Công văn xem xét xử lý trách nhiệm cán bộ, sở, ngành có liên quan. Hành vi sai phạm của ông V2 đã bị Văn phòng UBND tỉnh xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách và Ủy ban kiểm tra Đảng ủy khối Cơ quan và Doanh nghiệp kỷ luật bằng hình thức khiển trách nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự.

- Cần thu nộp ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền thiệt hại mà bị cáo Nguyễn Văn N đã nộp khắc phục 3.597.417.687 đồng (nộp thừa 64.250 đồng).

- Đối với số tiền 300.000.000 đồng bà Nguyễn Thụy Phương T, ông Hoa Vận K và bà Ngô Thị Thanh N1 mỗi người hỗ trợ 100.000.000 đồng để khắc phục thiệt hại cho ngân sách nhà nước: Xét thấy, như nhận định phía trên hành vi sai phạm thuộc về các cá nhân Đoàn Thế N2, Lê Thành T3, Nguyễn Trung T4, Nguyễn Văn N, hơn nữa thiệt hại ngân sách nhà nước đã được các bị cáo này khắc phục đầy đủ, đồng thời các ông bà nói trên có đơn yêu cầu được nhận lại số tiền nêu trên nên cần trả lại cho bà Nguyễn Thụy Phương T, ông Hoa Vận K và bà Ngô Thị Thanh N1 mỗi người 100.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu theo hồ sơ vụ án: Toàn bộ hồ sơ, chứng từ chi ngân sách từ năm 2010 đến 2014 của Trường T9; Hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng N4.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng.

[11] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **03** (ba) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách **05** (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/8/2024)

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Trách nhiệm dân sự

Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự.

- Thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.597.417.687 (Ba tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm mười bảy nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng)

- Trả lại cho bà Nguyễn Thụy Phương T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Trả lại cho ông H3 Vận Khải số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu)

đồng; Trả lại cho bà Ngô Thị Thanh N1 số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng

(Số tiền 3.597.417.687 đồng do bị cáo Nguyễn Văn N giao nộp và số tiền 300.000.000 đồng do các ông bà Nguyễn Thụy Phương T, Hoa Vận K, Ngô Thị Thanh N1 giao nộp, hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước theo Ủy nhiệm chi ngày 31/7/2023 và theo Ủy nhiệm chi ngày 24/5/2024 giữa Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sK1 - Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước)

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Lưu theo hồ sơ vụ án toàn bộ hồ sơ, chứng từ chi ngân sách từ năm 2010 đến 2014 của Trường T9; hồ sơ, tài liệu theo dõi việc thẩm định, cấp dự toán ngân sách từ năm 2015 đến 2019 đối với Trường Cao đẳng N4.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND CC tại TP.HCM; (2)
- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- CQCSĐT - CA tỉnh Bình Phước; (1);
- CQTHAHS - CA tỉnh Bình Phước (1)
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Phước; (1)
- UBND phường P (1)
- Bị cáo; (1)
- Người liên quan (3);
- Sở Tài chính, UBND tỉnh (2)
- THCTP; Lưu THS; Tòa HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nga